

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST

Ngày 03-7-2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Lộc

2. Ông Hoàng Đình Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiệp, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 888/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án xét xử số: 37/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguồn S, sinh năm 1993

Cư trú tại: tổ 4, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Bị đơn: Anh Sô Cà S, sinh năm 1990

Cư trú tại: số 125, tổ 5, ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: số 397, tổ 22, ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13 tháng 12 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án của chị Nguồn S (nguyên đơn) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Sô Cà S chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn ngày 25/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân: Anh S không lo làm ăn từ đó anh chị thường xuyên cãi

vã mỗi lần cãi vã anh S bỏ về nhà cha mẹ ruột anh sống một thời gian thì quay về sống, anh chị ly thân từ tháng 6 năm 2019 cho đến hôm nay, từ ngày ly thân đến nay anh S không đến thăm con. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn sống chung không hạnh phúc chị yêu cầu ly hôn với anh S.

Về con chung: Có một con chung là Sô Sóc N, sinh ngày 09/10/2012 từ ngày ly thân đến nay cháu N sống chung với chị S. Ly hôn chị S yêu cầu nuôi con không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị S không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Anh Sô Cà S - Bị đơn trình bày: Anh S vắng mặt không có lý do, mặc dù tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh S nhưng anh S không có văn bản ghi ý kiến của mình gửi cho Tòa án, cũng không đến tòa nên tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh S.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, điểm a, b Khoản 3 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị S anh S.

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn S với anh Sô Cà S.

Về con chung: giao cháu Sô Sóc N cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có; không xem xét giải quyết.

Tính án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguồn S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Sô Cà S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, điểm a, b Khoản 3 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị S anh S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị S anh S chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn ngày 25/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh đây là hôn nhân hợp pháp. Chị S xác định chị và anh S chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh S ham chơi không lo làm ăn từ đó anh chị thường xuyên cãi vã, sống chung không hạnh phúc chị S anh S ly thân từ tháng 6 năm 2018 cho đến hôm nay và chị S làm đơn ly hôn với anh S.

Bị đơn anh Sô Cà S vắng mặt không có lý do, mặc dù anh S đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ.

Qua làm việc với ông bà Dim N và Sô B (cha mẹ anh S) và các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[3] Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh S thì anh S đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân của chị S anh S lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S, xử cho chị S và anh S được ly hôn là phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình công bố năm 2014.

[4] Về con chung: có một con chung là Sô Sóc N, sinh ngày 09/10/2012 chị S yêu cầu nuôi cháu N không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

[5] Xét về con chung: Từ ngày ly thân đến nay cháu Sóc N sống chung với chị S tâm tư tình cảm của cháu N gắn liền với chị S hơn nữa hiện nay cháu N còn nhỏ rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ để phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần, chị S có đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N tốt. Ngược lại từ ngày anh chị ly thân đến nay anh S không quan tâm, chăm sóc cháu N. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị S giao cháu N cho chị S tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục anh S không phải cấp dưỡng nuôi con do chị S không yêu cầu là có căn cứ phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về tài sản chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Chị S trình bày không có.

[8] Về án phí: Chị S phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Anh S không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, điểm a, b Khoản 3 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình công bố năm 2014; Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguôn S, xử cho chị Nguôn S và anh Sô Cà S được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là Sô Sóc N, sinh ngày 09/10/2012 cho chị S tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con do chị S không yêu cầu.

Sau khi ly hôn anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị S trình bày không có.

5. Về án phí: Chị Nguôn S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0019313 ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh. Chị S đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Sô Cà S không phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn S anh Sô Cà S có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Châu Thành;
- THADS H.Châu Thành;
- Lưu : Tập án ;
- Các đương sự;

(Đã ký)

Phan Thị Hưởng